

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 87/2006/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2006 – 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu tại tờ trình số 578/TTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2005, văn bản số 10/UBND-TH ngày 9 tháng 1 năm 2006 và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 1532/BKH/TĐ&GSĐT ngày 10 tháng 3 năm 2006 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu thời kỳ 2006 – 2020,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu thời kỳ 2006 – 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Khai thác tối đa các nguồn nội lực, kết hợp với sự hỗ trợ của Trung ương và cả nước, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, từng bước rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển so với các tỉnh trong khu vực và phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tập trung mọi nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế để phát triển sản xuất hàng hóa; phát huy tối đa lợi thế kinh tế cửa khẩu; lấy thủy điện, khoáng sản, xi măng, bột giấy, chè, cao su, thảo quả, dược liệu, chăn nuôi đại gia súc làm sản phẩm hàng hóa chủ lực và lâu dài. Tổ chức tốt việc di dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái,

chăm sóc bảo vệ rừng đầu nguồn của lưu vực sông Đà nhằm bảo vệ nguồn nước cho các công trình thủy điện lớn của quốc gia.

Phát triển kinh tế phải kết hợp hài hòa với giải quyết các vấn đề bức xúc về xã hội như xóa đói, giảm nghèo, định canh định cư, nâng cao dân trí, đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ cơ sở, cán bộ người dân tộc ít người, cán bộ nữ thực hiện tốt chính sách dân tộc, giúp đỡ đồng bào các dân tộc ít người ổn định cuộc sống, thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Gắn các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh với việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của quốc gia trên địa bàn là: xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, xây dựng và củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước gắn với xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác ổn định lâu dài.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế; cải thiện rõ rệt hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội; phát huy lợi thế về cửa khẩu, các tài nguyên khoáng sản, thủy điện, đất đai, khí hậu để phát triển các ngành kinh tế; tập trung xóa đói, giảm nghèo, hoàn thành cơ bản định canh định cư; bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo đảm quốc phòng – an ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chức chủ quyền biên giới quốc gia.

Giai đoạn 2006 – 2010 đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đưa Lai Châu cơ bản ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các tỉnh trong vùng và trong cả nước. Đến năm 2020 thoát khỏi tình trạng tỉnh kém phát triển.

2. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

a) Các ngành, lĩnh vực kinh tế

- Về kinh tế: đến năm 2010 GDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 7 triệu đồng (tăng 2 lần so với năm 2005, bằng 45% bình quân cả nước), đến năm 2020 đạt 24,8 triệu đồng (bằng 50 – 65% bình quân cả nước).

Tốc độ tăng trưởng bình quân	Thời kỳ 2006 – 2010	Thời kỳ 2006 – 2020
GDP	14 – 15%	12,6%
Nông – lâm nghiệp, thủy sản	5 – 6%	6,13%
Công nghiệp – xây dựng	26 – 27%	18%
Dịch vụ	17 – 18%	13,7%

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỉ trọng công nghiệp – xây dựng, dịch vụ, giảm giá trị nông, lâm nghiệp:

Cơ cấu kinh tế	Năm 2010	Năm 2020
Nông, lâm nghiệp, thủy sản – công nghiệp – dịch vụ	32 – 35 – 33%	20 – 45 – 35%

Tăng thu ngân sách trên địa bàn, phấn đấu đến 2010 thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 165 tỷ đồng, đến năm 2020 đạt trên 500 tỷ đồng.

Tăng nhanh giá trị hàng xuất khẩu, đến năm 2010 tổng giá trị hàng xuất khẩu sản xuất tại địa phương đạt 10 triệu USD/năm, đến năm 2020 đạt trên 30 triệu USD/năm.

- Về nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ ngành nông nghiệp, lựa chọn một số cây, con có ưu thế để tập trung phát triển, chuyển sang sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến và các thị trường lớn trong nước và xuất khẩu.

+ Trồng trọt:

Phát triển sản xuất lương thực: phấn đấu đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, áp dụng rộng rãi công nghệ giống và kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất để tăng năng suất cao ở những khu vực có điều kiện. Đến năm 2010, tổng sản lượng lương thực đạt trên 150.000 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt khoảng 400kg/người/năm, đến năm 2020 đạt trên 165.000 tấn, bình quân đầu người khoảng 370kg/người/năm.

Phát triển cây chè theo hướng thâm canh tăng năng suất, đến năm 2010 diện tích chè đạt 4.500 ha, trong đó trồng mới 500 ha, đến năm 2020 đạt 5.500 ha, trong đó có 4.500 ha chè kinh doanh, trồng mới cây cao su trên địa bàn các xã biên giới diện tích từ 3.000 – 5.000 ha. Phát triển cây thảo quả, đến năm 2010 đạt 3.000 ha, trong đó trồng mới 1.000 ha, năm 2020 đạt 5.000 ha. khuyến khích phát triển những cây công nghiệp ngắn ngày thích hợp với điều kiện của tỉnh như: bông, lạc, đậu tương... nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cải thiện đời sống dân cư. Nghiên cứu tổ chức mạng lưới thu mua và tiêu thụ sản phẩm của thương nghiệp quốc doanh.

+ Chăn nuôi cung ứng giống có chất lượng cao, công tác thú y, vận động đồng bào chuyển đổi tập quán chăn nuôi. Tỷ lệ tăng đàn gia súc cả thời kỳ đạt trên 6%, riêng giai đoạn 2006 – 2010 đạt 6-7%. Tăng số lượng đàn trâu, bò, đến năm 2010: trâu 111.500 con, bò 20.700 con, hàng năm có 8 – 10 nghìn tấn thịt trâu bò hơi cung cấp cho thị trường.

Phát triển nuôi trồng thủy sản, khai thác diện tích mặt nước hiện có, phát triển thêm ao, hồ; tiến tới nuôi trồng tập trung, quy mô lớn khi các hồ thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huồi Quảng, Bản Chát... hình thành.

+ Lâm nghiệp

Bảo vệ và phát triển vốn rừng, phấn đấu đưa độ che phủ rừng từ 37,5% năm 2005 lên trên 45% vào năm 2010 và trên 60% vào năm 2020 để phát huy chức năng rừng phòng hộ đầu nguồn, điều tiết nguồn nước cho các công trình thủy điện. Lựa chọn cơ cấu cây trồng vừa phát huy tác dụng phòng hộ đầu nguồn, vừa đạt hiệu quả kinh tế cao. Kết hợp trồng mới và khoanh nuôi, tái sinh rừng, tạo vùng nguyên liệu cho phát triển công nghiệp giấy, ván dăm, hàng mộc gia dụng. Bảo tồn khu vực rừng nguyên sinh, hình thành khu bảo tồn thiên nhiên ở sườn Tây Nam dãy Hoàng Liên Sơn.

Có chính sách đầu tư thỏa đáng cho các xã đặc biệt khó khăn vùng cao, biên giới, thiếu đất sản xuất nông nghiệp chuyển sang sống bằng nghề trồng khoanh nuôi bảo vệ rừng phòng hộ.

Trong 5 năm 2006 – 2010 phấn đấu trồng mới 10.000 ha, giai đoạn 2011 – 2020 trồng mới 30.000 ha rừng. Khoanh nuôi tái sinh thêm 200.000 ha rừng, tập trung chủ

yếu trên địa bàn huyện Mường Tè, Sìn Hồ.

+ Xây dựng nông thôn

Xây dựng quy hoạch sắp xếp lại dân cư, định canh, định cư, nhanh chóng ổn định và cải thiện đời sống đồng bào dân tộc, ưu tiên sắp xếp dân cư ở những nơi thiếu đất ở, đất sản xuất, có điều kiện sống đặc biệt khó khăn, những nơi có nguy cơ sạt lở cao và khu vực biên giới Việt – Trung. Cùng với việc xây dựng các công trình thủy lợi, các điểm tái định cư, thời kỳ 2006 – 2020 khai hoang thêm ít nhất 5.000 ha ruộng nước và nương bậc thang, riêng giai đoạn 2006 – 2010 khai hoang 3.000 ha.

Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn: điện, đường giao thông, nước sinh hoạt, thủy lợi, hệ thống trường học, trạm xá...

Phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, hình thành thêm các làng nghề và trang trại kinh tế nông – lâm nghiệp.

- Về công nghiệp – xây dựng

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có ưu thế như thủy điện, công nghiệp chế biến nông – lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, tiểu thủ công nghiệp truyền thống và các cơ sở công nghiệp phục vụ chương trình tái định cư các dự án thủy điện.

+ Công nghiệp năng lượng (thủy điện).

Định hướng xây dựng các nhà máy thủy điện Lai Châu, Bản Chát và Huổi Quảng. Khảo sát, quy hoạch và xây dựng cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ.

+ Công nghiệp khai khoáng.

Khuyến khích các doanh nghiệp điều tra thăm dò, đầu tư khai thác gắn với chế biến khoáng sản các mỏ vàng, mỏ đất hiếm, đồng, chì, kẽm tổ chức khai thác, thu gom các mỏ nhỏ... trên địa bàn.

+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

Định hướng hình thành khu công nghiệp Mường So (sản xuất xi măng, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng) và một số cụm công nghiệp. Nghiên cứu thăm dò và tổ chức khai thác, chế biến đá đen, đá màu, đá trắng phục vụ cho xây